

**Positive Prevention Plus**  
**BUSD Comprehensive Sexuality Education**  
**7<sup>th</sup> Grade Syllabus**

Tựa bài học	Nội dung	
1. Bắt đầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tình dục Lành mạnh ở tuổi Thanh thiếu niên</li> <li>- Tạo một không gian an toàn để thảo luận những chủ đề có thể mang sự ngưng ngừng</li> <li>- Đồng ý và đánh giá trước của nhóm</li> </ul>	
2. Thông hiểu về sự thay đổi (cơ thể)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ liên hệ đến tình dục</li> <li>- Giới tính, Nhận dạng, Vai trò và Định hướng (tình dục)</li> <li>- Định kiến và vai trò của giới nam và giới nữ</li> <li>- Tuổi dậy thì &amp; Phát triển tình dục ở cơ thể con người (Nữ và Nam)</li> </ul>	
3. Thông dò, tìm hiểu quan hệ bạn bè và các mối qua hệ khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ bạn bè</li> <li>- Sự khác biệt giữa thích và yêu</li> <li>- Dự định một hoạt động an toàn và lành mạnh</li> </ul>	
4. Quan hệ bắt nạt & Đối đãi xấu/ hành hạ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt giới hạn</li> <li>- Đồng ý nghĩa là gì</li> <li>- Quy tắc căn bản chung cho hệ thống xã hội</li> <li>- Quan hệ bạo lực và Bảo vệ bản thân</li> </ul>	
5. Buôn người	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quấy nhiễu tình dục &amp; Hãm hiếp</li> <li>- Buôn người</li> <li>- Tài nguyên và dịch vụ</li> </ul>	
6. Tránh mang thai ngoài dự định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc bầu thai và nuôi dạy con cái</li> <li>- Lựa chọn cách tình dục an toàn &amp; tập thói kiêng cử (tình dục)</li> </ul>	
7. Ra quyết định sáng suốt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quyết định tốt</li> <li>- Những lựa chọn khi mang thai (Nuôi dạy con cái, cho nhận con nuôi, phá thai, Bỏ con một cách an toàn)</li> <li>- Thông hiểu Luật tiểu bang California về việc bỏ con một cách an toàn</li> </ul>	
8. Chuyện giả thuyết/tưởng tượng và định kiến; bệnh HIV và bệnh AIDS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyện giả thuyết về bệnh HIV và bệnh AIDS, xem tổng quát về HIV/AIDS</li> <li>- Lòng thương hại</li> <li>- Lấy nhiễm/Chữa trị/Phòng ngừa HIV</li> </ul>	
9. Phòng ngừa STIs & STDs	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem tổng quát về lây truyền nhiễm qua tình dục (STI) &amp; lây bệnh (STD)</li> <li>- Thử nghiệm STI</li> </ul>	
10. Nhận biết việc rủi ro và giảm bớt đi rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các rủi ro và loại bỏ các chuyện giả thuyết.</li> <li>- Cách phòng ngừa chung cho tất cả</li> </ul>	
11. Áp lực của Truyền thông & bạn bè	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp lực của Truyền thông và bạn bè</li> <li>- Rèn luyện kỹ năng quyết đoán/giữ vững lập trường</li> <li>- Kế hoạch phòng ngừa rủi ro</li> </ul>	
12. Tiếp cận dịch vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động giúp nhận dạng những nguồn trợ giúp trong địa phương</li> </ul>	
13. Lập mục tiêu & tóm tắt bài tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Con đường dẫn đến các mục tiêu cá nhân &amp; lập mục tiêu cho tương lai</li> <li>- Đánh giá (sau khi học xong)</li> </ul>	
請利用校區熱線電話 1-408-923-1901 會有人與您聯繫,為您翻譯資料上的 重要內容	Si desea más información en español por favor llame a la línea de asistencia en español al 1-408-923-1902 y alguien le llamará para darle un resumen de este documento.	Xin gọi số hotline của Học Khu ở số 1-408-923-1903 và sẽ có người giúp quý vị để hiểu những điều cốt yếu của văn kiện